TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CỬA LÒ** **TỈNH NGHỆAN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2024/ DS – ST

Ngày: 22/5/2024

(V/v tranh chấp hợp đồng T dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Thế Lan
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Thắng

Bà Lê Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên toà: bà Phan Thị Thúy Lợi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 13/3/2024 và ngày 22/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 41/2023/TLST - DS ngày 24/10/2023 về việc tranh chấp Hợp đồng T dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 21/02/2024 và thông báo tiếp tục phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T

Địa chỉ: Lầu 8 số 266- 268 Nam K khởi nghĩa phường 8, quận 3 TP Hồ Chí M .

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T – Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T , chi nhánh TP V , Nghệ A , phòng giao dịch Hưng B , TP V , Nghệ A . Vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Thế T ủy quyền cho bà Lê Mạc Diệu Ph, chuyên viên khách hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T , chi nhánh TP V , Nghệ A , phòng giao dịch Hưng B , TP V , Nghệ A . Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ph Th, Sinh năm 1987.

Nơi DKHKTT: Số nhà 07, hẻm 01, ngõ 20, đường Lê Hồng Ph , phường Hưng B , TP V , Nghệ A .

Nơi tạm Trú: Khối 7, phường Nghi T , thị xã Cửa L , Nghệ A .Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Mạc Diệu Ph trình bày:

Vào ngày 10/8/ 2017 Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương T (Sacombank) và bà Trần Thị Ph Th đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ T dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ T dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ T dụng của Sacombank - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Th, Sacombank đã đồng ý cấp thẻ T dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất 2,15%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ T dụng bà Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 364.452.349đ, lãi suất trong hạn 2,15%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà Th đã thanh toán cho Ngân Hàng số tiền là 362.212.540đ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Ph Th vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31 tháng 01 năm 2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Th đến ngày 31/01/2023 bà Th còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền: 30.176.540đ. Trong đó nợ gốc 23.185.022đ; lãi quá hạn 741.522đ và trả góp còn lại 6.249.996đ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Th có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Th vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Vì vậy bà Th đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm Th đến 22/5/2024 tổng cộng số tiền: 50.827.349đ Trong đó nợ gốc 32.280.821đ và lãi quá hạn là 18.546.528đ phần lãi tiếp tục được Th kể từ ngày 23/5/2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ T dụng kiêm hợp đồng cho đến khi bà Trần Thị Ph Th thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trần Thị Ph Th nhưng bà Th vắng mặt không

có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên không có bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng Thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án:

Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa về số nợ gốc tăng thêm, chỉ chấp nhận số nợ gốc tại đơn khởi kiện ban đầu là 23.185.022đ.

Về số tiền 6.249.996đ là số tiền trả góp chậm thanh toán không có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất: Do chị Th vi phạm hợp đồng vì vậy chi Th phải chịu lãi suất quá hạn tương ứng 150% lãi suất hợp đồng đã ký là 2,15%/ tháng, thời gian Th lãi quá hạn từ ngày 01/02/2023 cho đến ngày xét xử. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện đối với chị Trần Thị Ph Th có đăng ký hộ khẩu tại TP Vinh, Nghệ An, trong quá trình giải quyết vụ án qua xác minh tại nơi cư trú chị Th không có mặt tại địa Ph và được biết chị Th đăng ký tạm trú tại khối 7, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò.Tòa án TP Vinh đã ra quyết định chuyển vụ án giải quyết theo thẩm quyền (Điều 26, 35 và 39 BLTTDS). Do vậy Tòa án thị xã Cửa Lò, Nghệ An thụ lý đúng thẩm quyền.

Bị đơn chị Trần Thị Ph Th đã được tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng chị không có mặt tại nơi tạm trú và không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt không có lý do tại phiên tòa xét xử lần thứ hai. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại nơi đăng ký tạm trú, không thông báo cho phía Ngân hàng được biết, chị Trần Thị Ph Th cố tình dấu địa chỉ nơi ở của chị. Căn cứ nghi quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017.Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Ph Th.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về số nợ gốc:Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu chị Trần Thị Ph Th phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 32.280.821đ tạm Th đến ngày 22/5/2024, với số nợ gốc mà ngân hàng khởi kiện

ngày 31/01/2023 là 23.185.022đ nhưng tại phiên tòa đại diện ngân hàng yêu cầu bà Th phải trả số nợ gốc tăng lên 9.095.799đ do bà Th thỏa thuận trả góp hàng tháng với số tiền 1.041.666đ nhưng bà Th không thực hiện do vậy số tiền trả góp được cộng vào số tiền gốc. Số tiền chị Th đăng ký trả góp mà phía ngân hàng yêu cầu đưa vào nợ gốc, nhưng ngân hàng không cung cấp được các tài liệu để chứng minh cho yêu cầu trên. Do vậy việc yêu cầu tăng nợ gốc là không có căn cứ để chấp nhận. Tại thời điểm xét xử bà Th không có mặt tại phiên tòa để nghe phần trình bày của nguyên đơn. Do vậy chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ban đầu với số nợ gốc là 23.185.022đ.

2.2 Về số tiền trả góp còn lại Th đến ngày 31/01/2023 theo đơn khởi kiện là 6.249.996đ. Theo trình bày của ngân hàng chị Th đăng ký trả góp mỗi tháng là 1.041.666đ nhưng chị đã không thực hiện trong thời hạn 6 tháng do vậy ngân hàng yêu cầu chi Th phải trả số tiền trả góp 6.249.996đ. Theo các tài liệu có tại hồ sơ do phía ngân hàng cung cấp không có văn thoả thuận trả góp hàng tháng giữa ngân hàng với chị Th. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu só tiền trả góp trên.

2.3 Về phần lãi suất và phí: Th đến ngày 31/01/2023 số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 741.522đ và tại thời điểm tháng 5/2023 theo lời khai lãi và phí phát sinh được đưa vào nợ gốc là 32.280.821đ. Vì phần nợ gốc chỉ chấp nhận là 23.185.022đ do vậy lãi suất chỉ Th trên số nợ gốc và chấp nhận Th lãi quá hạn từ ngày 01/02/2023 cho đến ngày xét xử (Ngày 22/5/2024),lãi quá hạn trên số lãi đã thỏa thuận là 2.15%/tháng (tương đương 3.225%/tháng). Cụ thể 23.185.022đ x 3,225%/tháng x 16 tháng 21 ngày = 12.486.872đ. Tổng lãi suất Th đến ngày 22/5/2024 là 13.228.394đ (12.486.872đ + 741.522đ) (Mười ba triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn,ba trăm chín tư đồng).Lãi tiếp tục được Th kể từ ngày 23/5/2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký trên số nợ gốc tại giấy đề nghị cấp thẻ T dụng kiêm hợp đồng số 472074-2912 ngày 10/8/ 2017 cho đến khi chị Th thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Ph Th phải chịu phần án phí mà yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Phần án phí kiện quá của nguyên đơn do không được chấp nhận vì vậy nguyên đơn phải chịu án phí kiện quá là 14.414.993đ (gốc 9.095.799đ, lãi 5.318.194đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức T dụng. Điều 401; 402.405 463 và Điều 466 BLDS; Khoản 3 Điều 26, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 273 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án. Tuyên bố: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài gòn Thương T đối với chị Trần Thị Ph Th về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ T dụng".

Tuyên xử:

1. Buộc chị Trần Thị Ph Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài gòn Thương T số tiền là: **36.413.416đ** ***(Ba mươi sáu triệu, bốn trăm mười ba ngàn, bốn trăm mười sáu đồng).*** Trong đó nợ gốc 23.185.022đ và nợ lãi quá hạn 13.228.394đ lãi Th đến ngày 22/5/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/5/2024) chị Trần Thị Ph Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc..Trường hợp trong hợp đồng thẻ T dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Ph Th phải chịa án phí sơ thẩm là 1.820.670đ (Một triệu, tám trăm hai mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài gòn Thương T phải chịu án phí kiện quá là 720.699đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phi ngân hàng đã nộp tại biên lai thu số 0001727 ngày 31/5/ 2023 của Chi cục thi hành án dân sự TP Vinh, Nghệ An. Ngân hàng đã nộp đủ án phí. Trả lại cho ngân hàng số tiền 29.300đ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày Th từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- CQ THA thị xã Cửa Lò;
- TAND tỉnh NA;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thế Lan